

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **58** /2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **27** tháng **10** năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....S.....
	Ngày:.....05/11.....

THÔNG TƯ

**Quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp
ngành Giao thông vận tải**



Căn cứ Luật Thống kê ngày 26/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Giao thông vận tải.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này "Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Giao thông vận tải".

Điều 2. Vụ Kế hoạch - Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện "Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Giao thông vận tải".

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và bãi bỏ các Quyết định số 561/QĐ-BGTVT ngày 12/3/2009 về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho các Cục quản lý chuyên ngành, Quyết định số 841/QĐ-GTVT ngày 28/3/2003 về việc ban hành Chế độ báo cáo định kỳ cho

các Sở Giao thông vận tải, Quyết định số 844/QĐ-GTVT ngày 27/3/2002 về việc ban hành tạm thời Chế độ báo cáo xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và lao động định kỳ trong ngành Giao thông vận tải.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ngành Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận: u

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHĐT (05).



BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THÔNG KÊ TỔNG HỢP

NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58. ngày 27. tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích

Chế độ báo cáo thông kê tổng hợp ngành Giao thông vận tải (GTVT) áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT và các Sở GTVT nhằm thu thập các thông tin đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

2. Phạm vi và yêu cầu đối với thông tin thống kê

Số liệu báo cáo thông kê tổng hợp trong hệ thống biểu mẫu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị về chuyên ngành, lĩnh vực được giao. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin thống kê về chuyên ngành, lĩnh vực được giao, bao gồm thông tin thống kê của các đơn vị trực thuộc và thông tin thống kê của các đơn vị thuộc quyền quản lý theo phân cấp và theo địa bàn.

Thông tin thống kê phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ, thống nhất, đúng thời gian và kèm theo đầy đủ các biểu mẫu báo cáo thông kê theo quy định.

3. Đơn vị báo cáo và nhận báo cáo

a) Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của các biểu mẫu thống kê.

b) Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của các biểu mẫu thống kê.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Cơ quan thống kê thuộc Bộ GTVT: các Vụ, Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị báo cáo theo biểu mẫu quy định tại Thông tư này; tổng hợp các biểu mẫu được phân công gửi Vụ Kế

hoạch – Đầu tư để báo cáo các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về báo cáo thống kê; đồng thời gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu ngành GTVT và phổ biến thông tin thống kê.

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục thuộc Bộ tổ chức hướng dẫn các đơn vị trong Ngành thu thập, tổng hợp thông tin thống kê theo biểu mẫu quy định tại Thông tư này; báo cáo Bộ (qua các Vụ chức năng và Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư).

c) Các Sở GTVT thu thập thông tin thống kê trong địa bàn tỉnh, thành phố; tổng hợp, báo cáo Bộ GTVT theo biểu mẫu quy định tại Thông tư này; đồng thời gửi báo cáo cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục thuộc Bộ và Cục Thống kê địa phương theo chuyên ngành, lĩnh vực.

d) Các Tổng công ty và các đơn vị ngành GTVT tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin thống kê do đơn vị quản lý, báo cáo Bộ GTVT theo biểu mẫu quy định tại Thông tư này; đồng thời báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các Cục thuộc Bộ GTVT theo chuyên ngành, lĩnh vực.

5. Ký hiệu biểu

Ký hiệu biểu gồm hai phần: phần số được đánh liên tục từ 01, 02, 03 ... và phần chữ là các chữ in viết tắt biểu thị kỳ báo cáo của biểu mẫu (N – năm, QN-Quý và năm, Q – Quý, T – Tháng, 5N – 05 năm).

6. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi ở góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê và được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

a) Báo cáo thống kê tháng: báo cáo tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng.

b) Báo cáo thống kê quý: báo cáo thống kê quý được tính từ ngày 01 tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng thứ ba của kỳ báo cáo thống kê.

c) Báo cáo thống kê 6 tháng: báo cáo thống kê 6 tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ sáu của kỳ báo cáo thống kê.

d) Báo cáo thống kê năm: báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ mười hai của kỳ báo cáo thống kê đó.

đ) Báo cáo thống kê 05 năm: báo cáo thống kê được thực hiện 5 năm/01 lần. Số liệu thống kê tính đến 31 tháng 12 năm báo cáo.

e) Báo cáo thống kê khác và đột xuất: trường hợp cần báo cáo thống kê khác hoặc báo cáo thống kê đột xuất nhằm thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước, cơ quan yêu cầu báo cáo phải đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ thời gian, thời hạn và các tiêu chí báo cáo thống kê cụ thể.

7. Thời hạn nhận báo cáo

Thời hạn nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê.

8. Danh mục đơn vị hành chính

Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam thực hiện theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật hàng năm.

9. Phương thức gửi báo cáo

Báo cáo thống kê được gửi dưới 02 hình thức: bằng văn bản và tệp dữ liệu (gửi kèm thư điện tử), báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị và tên người lập biểu để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.